

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX (ART)
Trụ sở: Tầng 5 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2,
quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 39 368 368 Fax: 04 39 368 367
Người thực hiện CBTT: Ông Lưu Đức Quang - Người đại diện theo Pháp luật Công ty.
Loại thông tin công bố : 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
Nội dung công bố thông tin:

- Công ty CP chứng khoán Artex đã hoàn thành Báo cáo thường niên năm 2016.

Đường link dẫn đến Báo cáo thường niên năm 2016 đã được đăng đầy đủ trên trang thông tin
điện tử của ART tại địa chỉ:

<https://artexsc.com.vn/News/2017/4/14/6998902.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2016

TM. CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ARTEX

Người đại diện theo Pháp luật



Lưu Đức Quang



ARTEX
Securities

2016

Báo cáo Thường niên
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

- 2 THÔNG TIN CHUNG**
- 2 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT**
- 3 Tổng quan về công ty**
- 5 Lịch sử phát triển**
- 6 Lĩnh vực hoạt động**
- 7 Các rủi ro**
- 9 Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**
- 10 Sơ đồ tổ chức**
- 11 Định hướng phát triển**
- 12 Thông tin cổ đông**
- 14 BÁO CÁO NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH 2017**
- 14 Báo cáo của Ban Giám đốc**
- 19 Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 21 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**
- 21 Tổng quan**
- 21 Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán**
- 21 Trách nhiệm đối với cộng đồng**
- 22 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
- 21 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và các Đối tác,

Thị trường chứng khoán vừa khép lại năm 2016, đánh dấu chặng đường 20 năm phát triển với con số nổi bật là trên 1.000 doanh nghiệp đại chúng đưa cổ phiếu vào giao dịch tập trung, quy mô vốn hóa cổ phiếu niêm yết trên 70 tỷ USD, thu hút 1,6 triệu nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Công ty CP Chứng khoán Artex tự hào đã song hành, vượt qua những thăng trầm của thị trường và cùng đóng góp một phần thành quả đó. Bước sang năm hoạt động thứ 8 kể từ khi thành lập, về cơ bản, chúng ta đã định hình được chiến lược hoạt động phù hợp, nhấn mạnh đến tính hiệu quả, cạnh tranh năng động, và xây dựng được mối quan hệ khách hàng tin cậy, ổn định và có sự tăng trưởng bền vững.

Nỗ lực và sự kiên trì, bền bỉ đó đã tiếp tục đem lại kết quả khả quan trong năm 2016. Kết thúc năm tài chính, Công ty CP Chứng khoán Artex đạt mức tăng trưởng doanh thu hoạt động 77,3%, doanh thu môi giới tăng. Nhờ kiểm soát tốt chi phí, trong đó chi phí hoạt động chỉ tăng 6,2% và chi phí quản lý chỉ tăng 3,1%, kết quả lợi nhuận đạt 5,4 tỷ đồng, chính thức bù đắp hết lỗ lũy kể từ các năm trước.

Kết quả tài chính chỉ là một khía cạnh phản ánh chất lượng hoạt động. Năm 2016 chứng kiến những cú sốc bất ngờ từ bên ngoài, điển hình là sự kiện thị trường chứng khoán Trung Quốc phải tạm dừng giao dịch ngày 1/4, sự kiện Brexit ngày 24/6, phản ứng bất ngờ sau kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ ngày 9/11... Trong nước, cũng nảy sinh không ít hiện tượng lợi dụng quy định giao dịch, thao túng, thu lời bất chính và gây thiệt hại không nhỏ cho nhà đầu tư, trong đó có cả các công ty chứng khoán. Khả năng bám sát thị trường, đặt ưu tiên cao nhất là quyền lợi của nhà đầu tư, quản trị rủi ro và cam kết tuân thủ luật pháp, các quy định về giao dịch, đặc biệt là cho vay margin và các dịch vụ tài chính đã giúp Công ty CP Chứng khoán Artex và khách hàng vượt qua những biến động lớn mà hầu như không phát sinh thiệt hại về tài chính.

Chúng ta đã và sẽ kiên trì, bền bỉ thực hiện sứ mệnh *Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu lợi ích của khách hàng*. Năm 2017, sự kiên trì và bền bỉ đó sẽ đem lại những kết quả đáng khích lệ mới. Công ty CP Chứng khoán Artex định hướng tăng trưởng ổn định, trên cả ba phương diện phát triển khách hàng mới, thị phần môi giới và lợi nhuận hoạt động, đồng thời tiếp tục ưu tiên công tác quản trị rủi ro và an toàn tài chính.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng hành và đóng góp vào thành công của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trong năm 2016 và rất mong quý vị tiếp tục ủng hộ và hỗ trợ chúng tôi trong chặng đường phát triển phía trước.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
ARTEX
NGUYỄN THANH BÌNH

TÂM NHÌN

- *Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện*
- *Không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất vì lợi ích của khách hàng*
- *Tạo dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư*

SỨ MỆNH

- *Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu lợi ích của khách hàng*

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- *Chính trực*
- *Hướng đến sự hoàn hảo*
- *Liên tục đổi mới*
- *Hợp tác.*

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Tên tiếng Anh	ARTEX Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch viết tắt	ART
Logo	
Vốn điều lệ	135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)
Trụ sở Công ty	Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 39.368.368 Fax: (84-4) 39.368.367 Email: contact@artexsc.com.vn Website: www.artexsc.com.vn
Văn phòng chi nhánh	86-88 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (84-8) 38.210.735 Fax: (84-8) 38.210.732 Email: cnhcm@artexsc.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX được thành lập theo Giấy phép số 85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/3/2008.

ARTEX cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ tài chính chứng khoán cho các nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng....

Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của ARTEX chính là khả năng cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện.

2016

Chính thức hết lỗ lũy kế

Tăng 50% số tài khoản chứng khoán hoạt động

2015

7/2015: Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ sau khi đáp ứng các yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và hoàn thiện nhân sự, quy trình nghiệp vụ

5/2015: Ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt

6/2015: Ra mắt cổng thông tin trực tuyến cung cấp tiện ích nghiên cứu, phân tích và thông tin phục vụ nhà đầu tư

7/2015: Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ sau khi đáp ứng các yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và hoàn thiện nhân sự, quy trình nghiệp vụ

2014

16/05/2014: Ông Lưu Đức Quang được bổ nhiệm Tổng Giám Đốc

19/5/2014: Ông Nguyễn Thanh Bình được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay cho ông Doãn Văn Phương

1/12/2014: Hoàn thành đầu tư và vận hành hệ thống giao dịch mới

24/2/2015: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ghi nhận là đơn vị có tiến bộ vượt bậc trong hoạt động môi giới năm 2014

2013

04/09/2013: Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Doãn Văn Phương

2012

20/08/2013: Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC thành Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX.

25/12/2012: Thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK. Văn phòng chi nhánh tại 86-88 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM,

20/01/2012: FLCS chuyển trụ sở chính từ Tầng 2, Tháp CEO, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm - Hà Nội đến Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

2011

30/12/2011: Ông Doãn Văn Phương- Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay Ông Trịnh Văn Quyết.

08/08/2011: Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX thành Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (FLCS).

2008 - 2010

2009-2010: Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; được các Sở GDCK Hà Nội và TP HCM chấp thuận là thành viên giao dịch; Bổ sung thêm nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán theo giấy phép 141/UBCK-GP.

2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 85/UBCK-GP của UBCKNN.

DỊCH VỤ MÔI GIỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC

Là Công ty chứng khoán với sứ mệnh không ngừng hoàn thiện sản phẩm dịch vụ và ưu tiên hàng đầu lợi ích của khách hàng, chúng tôi mang lại cho khách hàng dịch vụ chất lượng cao, ổn định, và tin cậy. Chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc liên tục đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, vào hệ thống quản lý giao dịch qua Mobile Trading, Home Trading, Web Trading và các tiện ích khai thác dữ liệu, phân tích trên Website của Công ty.

Hướng đi sắp tới của chúng tôi trong lĩnh vực môi giới là tăng cường đầu tư hơn nữa về nguồn tài chính, công nghệ, nhân lực và tri thức, với các hoạt động phong phú như đào tạo, hội thảo, tiếp xúc doanh nghiệp để hỗ trợ tốt hơn nữa cho nhà đầu tư.

Từ tháng 5/2015, sau thời gian ngawnskaanr tương hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, công nghệ, nguồn lực tài chính và nhân lực chuyên môn, Công ty CP Chứng khoán Artex đã mở lại dịch vụ giao dịch ký quỹ theo quy định của UBCK Nhà nước và được nhà đầu tư đón nhận tích cực

HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Chứng khoán Artex cung cấp một danh mục các sản phẩm phân tích đa dạng và toàn diện từ các Bản tin thị trường được cập nhật liên tục, các Báo cáo phân tích vĩ mô, Báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.... Nhà đầu tư có thể dễ dàng cập nhật nhanh chóng và đầy đủ sản phẩm phân tích trên qua Website Công ty và qua các trang tin liên kết

LƯU KÝ

Chứng khoán Artex cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ.

Dịch vụ lưu ký được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của UBCKNN và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

DỊCH VỤ TƯ VẤN DOANH NGHIỆP VÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Chúng tôi cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán, sát nhập, tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành...

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Hoạt động tự doanh được thực hiện với nguồn vốn của Công ty, trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng và không ảnh hưởng đến dịch vụ cũng như sự hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng.

Kinh doanh chứng khoán là lĩnh vực chịu nhiều rủi ro. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của công tác Quản trị rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex liên tục hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro một cách toàn diện và có hệ thống nhằm nhận diện, đo lường, kiểm soát, giám sát và giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại, tổn thất, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro.

RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro có thể gây ra những tổn thất/thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, Công ty CP Chứng khoán Artex thực hiện nguyên tắc phân bổ hạn mức tín dụng gửi tiền và chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng Quản trị quy định. Hiện tại, với quan điểm tập trung nguồn lực dành cho dịch vụ tài chính nhằm phát triển hoạt động môi giới, Công ty không chủ trương đầu tư vào trái phiếu nên không phát sinh rủi ro trong lĩnh vực này.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng. Do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư, đồng thời không phát sinh các khoản vay tín

dụng, phát hành trái phiếu công ty nên rủi ro này được đánh giá rất thấp.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của Công ty theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thực hiện tuân thủ chặt chẽ hạn mức đầu tư và thực hiện phân tích kịch bản thị trường để xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư cổ phiếu; đồng thời có thể lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty. Do hạn mức đầu tư tự doanh khá thấp, đồng thời Công ty cũng không thực hiện đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp nên rủi ro giá cổ phiếu được hạn chế.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu. Từ năm 2012 đến nay, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là công ty luôn coi trọng lợi ích của khách hàng và quyền lợi của cổ đông, chúng tôi luôn có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và kết nối hệ thống giao dịch (Goline) với phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Công ty chú trọng tới việc xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu

tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và cam kết gắn bó lâu dài. Từ năm 2008 Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định. Do đó rủi ro con người được đánh giá ở mức thấp

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/ thủ tục là một trong những rủi ro mà công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Công ty đã xây dựng, ban hành và thường xuyên cập nhật, hoàn thiện quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành đúng theo quy trình đề ra. Bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể tiếp tục hoàn thiện các quy trình

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Rủi

ro này được đánh giá ở mức độ thấp do:

- Công ty ưu tiên đầu tư mới và liên tục hoàn thiện công nghệ giao dịch và hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo giao dịch an toàn và thông suốt.
- Đã xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống.
- Có phương án khắc phục sự cố theo các kịch bản tình huống. Trong năm 2014 không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến giao dịch và không phát sinh thiệt hại cho khách hàng.

Đối với các phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ đến từng cá nhân người sử dụng nhằm giảm thiểu các rủi ro gây nên bởi sai sót trong tác nghiệp hoặc vượt quyền sử dụng một cách vô tình hoặc cố ý.

RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên

ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công ty triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện.

Tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày là yêu cầu bắt buộc thực hiện đối với mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Hội đồng quản trị & Ban Điều hành

Ông NGUYỄN THANH BÌNH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Bình là nhà quản lý có nhiều năm kinh nghiệm, đã và đang nắm giữ vị trí đứng đầu nhiều doanh nghiệp lớn. Hiện Ông Bình là Tổng Giám đốc Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền thông và Công nghệ FLC và Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bất động sản SGInvest. Trước đó ông từng giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Ông NGUYỄN VĂN THANH
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Thanh từng giữ chức vụ Trưởng khoa Tài chính- Đại học Thương mại. Hiện ông là Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Artex, Thành viên HĐQT Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF, Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề FLC. Ông Thanh có Cử nhân Tài chính Ngân hàng (Đại học Kinh tế Quốc dân); bằng Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế (Đại học Obirin – Nhật Bản); và Tiến sỹ Kinh tế (Đại học Thương mại).

Ông LƯU ĐỨC QUANG
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Quang được bầu vào HĐQT và được bổ nhiệm là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Artex từ tháng 5/2014. Trước đó ông đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong ngành tài chính như Phó tổng giám đốc CEO Group kiêm Giám đốc Công ty TNHH CEO Quốc tế; Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình. Ông đồng thời là Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn FLC

Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Huyền là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị hành chính và nhân sự, đã có một thời gian dài làm việc tại các công ty nước ngoài ,tập đoàn đa quốc gia như công ty Malavina, Archytype Group, SMEC, Tessi Asia. Bà Huyền tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Cử nhân chuyên ngành Văn hóa Du lịch Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

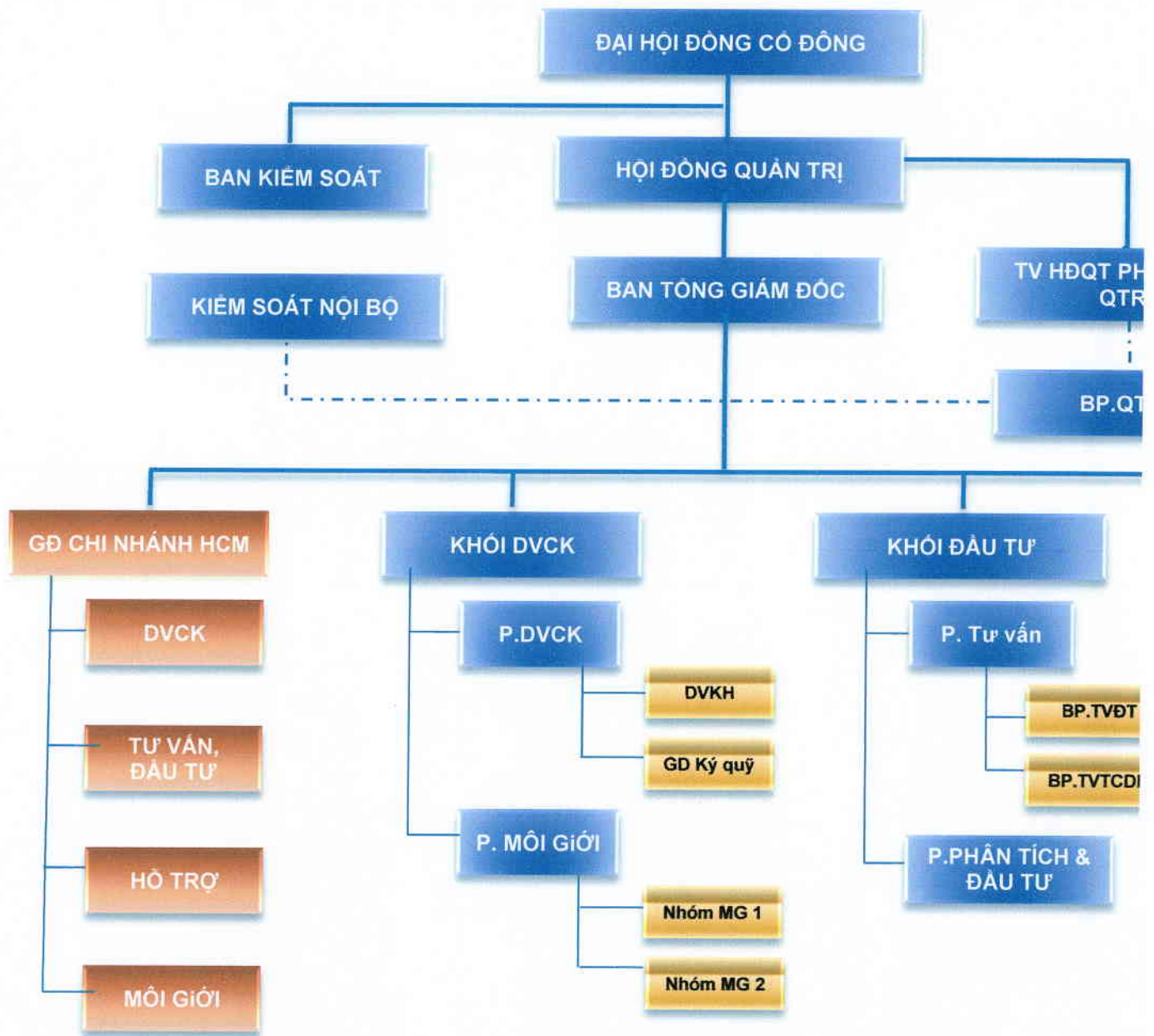
Bà TRẦN THỊ CHUNG
Thành viên HĐQT

Bà Trần Thị Chung có nhiều năm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ngoài việc tham gia HĐQT, bà còn là đại diện phần vốn của Công ty CP Sông Đà 9 tại Công ty CP Chứng khoán Artex và là Trưởng ban Kiểm soát- Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà.

Ông LÊ TIẾN ĐÔNG
Phó TGD

Trước khi gia nhập chứng khoán Artex, ông Đông là Phó Tổng giám đốc Công ty CP Ortran Việt Nam và đã từng qua các vị trí quản lý tại Tập đoàn FPT, Khoa Quản trị Kinh doanh HSB và Công ty CP QLQ An Bình.

Sơ đồ tổ chức



Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex là trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam.

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn – Linh hoạt – Hiệu quả, Định hướng chiến lược phát triển của chúng tôi bao gồm:

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt, chú trọng nâng cấp hệ thống giao dịch từ xa Home-Trading và Web-Trading;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả; bám sát đặc điểm vận động của thị trường ở các chu kỳ và giai đoạn phát triển khác nhau
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các Tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước; Sẵn sàng hợp tác và chia sẻ vì lợi ích của khách hàng.
- Nhân sự tinh gọn, chất lượng cao và định hướng hiệu quả công việc. Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện; gắn bó và tương trợ
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp; tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.



Thông tin cổ đông

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ Công ty: 135.000.000 đồng

Số cổ phiếu phát hành: 13.500.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu đang lưu hành: 13.500.000 cổ phiếu

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu năm của chủ sở hữu năm 2016: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

THAY ĐỔI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Năm 2016 không có thay đổi danh sách người có liên quan

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

ST T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ /Quan hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	180.000	1,33%
	Người có liên quan		0	0
2	Công ty cổ phần Sông Đà 9	TV HĐQT	2.000.250	14,82%
	Đại diện: Trần Thị Chung			
	Người có liên quan		0	0
3	Lưu Đức Quang	Tổng GD/ TV HĐQT	20.000	0,15%
	Người có liên quan		0	0
4	Nguyễn Văn Thanh	TV HĐQT	1,010,000	7,48%
	Người có liên quan		0	0
5	Nguyễn Thị Huyền	TV HĐQT	19,000	0.14%
	Người có liên quan		0	0
6	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS	20,000	0,15%
	Người có liên quan		0	0
7	Phạm Thị Hải Ninh	TV BKS	0	0
	Người có liên quan		0	0

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Thị Hải Ninh		1.169.000	8.66%	0	0%	<i>Chuyển nhượng cổ phần</i>

Các giao dịch khác:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Huyền Trang		1.218.000	9.02%	0	0%	<i>Cơ cấu danh mục cá nhân</i>
2	Đỗ Thị Kim Dung		1.290.000	9.56%	0	0%	<i>Cơ cấu danh mục cá nhân</i>
3	Nguyễn Văn Mạnh		1.008.000	7.46%	608.000	4.5%	<i>Cơ cấu danh mục cá nhân</i>

Giao dịch của cổ đông lớn

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Không có

Báo cáo của Ban Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Chính phủ mới ra mắt trong bối cảnh nhiều thách thức khi GDP nhiệm kỳ trước không đạt mục tiêu, nợ công tăng cao, nhiều tình trạng chưa từng có. Dù vậy, bức tranh kinh tế - xã hội 2016 cũng ghi nhận những hứa hẹn bùng nổ khi số doanh nghiệp đăng ký mới đạt kỷ lục; tài chính ổn định, lạm phát ở mức thấp và tiến trình cổ phần hóa được đẩy mạnh chưa từng thấy.

Hội nhập kinh tế, cùng với những tác động tích cực, cũng có những hậu quả tiêu cực,

Kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính

Năm 2016, đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam ghi nhận những điểm sáng khi Chính phủ hoàn thành 11/13 chỉ tiêu Quốc hội giao như: giữ tốc độ tăng giá tiêu dùng dưới 5%; giảm tỷ lệ hộ nghèo, huyện nghèo; nâng tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý chất thải tập trung đạt tiêu chuẩn; bên cạnh đó là việc cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước được thực hiện theo lộ trình đề ra, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng. Dù tăng trưởng suy giảm so với năm 2015, hoạt động của khu vực doanh nghiệp (DN), đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, vẫn được coi là một điểm sáng của kinh tế năm 2016. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) duy trì trên ngưỡng 50 điểm, cho thấy sự phục hồi trong khu vực sản xuất của Việt Nam.

Điều hành chính sách tiền tệ trong năm 2016 là linh hoạt và chặt chẽ. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn bám sát mục tiêu ổn định lạm phát và thận trọng với mục tiêu này. Thặng dư trên cán cân thanh toán ổn định góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho NHNN mua ròng ngoại tệ, để bổ sung dự trữ ngoại hối. Thông tin tại phiên họp thường kỳ tháng 12/2016, Chính phủ cho biết, dự trữ ngoại hối trong tính đến cuối năm đạt 41 tỷ USD, con số cao nhất từ trước tới nay. Trên thị trường ngoại hối, sau khi cơ chế xác định tỷ giá tham chiếu mới được thực hiện, diễn biến tỷ giá tương đối ổn định trong năm 2016.

Nhưng đây cũng là năm kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trước những biến động lớn của nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới, đặc biệt tại các nước phát triển, ẩn chứa nhiều yếu tố bất định. Nổi bật nhất trong số đó là sự kiện nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh châu Âu (EU) sau một cuộc trưng cầu dân ý (Brexit) và chiến thắng của ông Donald Trump trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ hồi tháng 11/2016 kèm theo

với phạm vi tác động ngày càng sâu rộng, trực tiếp và tức thời đến nền kinh tế và tài chính Việt Nam

Thị trường mở rộng, số lượng và chất lượng hàng hóa trên thị trường chứng khoán có sự phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, tác động từ các thị trường quốc tế không chỉ là khía cạnh tâm lý, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn nước ngoài.

Dòng vốn đầu tư nước ngoài giải ngân mạnh vào nhóm DN lớn IPO nhưng đồng thời cũng là năm dòng vốn này rút khỏi sàn niêm yết với quy mô kỷ lục trong lịch sử.

bóng đen của chủ nghĩa bảo hộ và là kết thúc Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Dấu ấn của những biến động này thể hiện ngày càng rõ nét hơn đến kinh tế và tài chính Việt Nam. Thị trường hàng hóa thế giới có sự thay đổi ngược chiều giữa một số loại hàng hóa cơ bản, trong khi tài sản biến động mạnh theo những sự kiện trong năm. Điều này tác động tiêu cực đến thị trường và doanh nghiệp trong nước; đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa cơ bản như cao su, mía đường, dầu khí, kéo theo hiệu quả giảm sút và thua lỗ ở nhóm doanh nghiệp phụ trợ.

Hoạt động của ngành chứng khoán

TTCK Việt Nam đã bước qua thời kỳ giá rẻ, kéo gằn lại khoảng cách so với các nước trong khu vực, chuyển trạng thái từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Quá trình nâng hạng này, không chỉ thể hiện qua chỉ số định giá, chất lượng, số lượng cổ phiếu niêm yết, mà còn qua làn sóng các cải cách lớn và phát triển các khung cơ sở pháp lý cho TTCK, và chuẩn bị cho ra đời chứng khoán phái sinh và nhiều sản phẩm, dịch vụ, tiện ích mới.

Chỉ số VN-Index đạt đỉnh ngắn hạn 692,17 điểm vào ngày 29/9, mức tăng cao nhất kể từ 2008. P/E của VN-Index hơn 14,3 lần, trong khi đó của Thái Lan là 16,5 lần, Indonesia là 22 lần, Malaysia 15,8 lần, cao hơn PE của TTCK Trung Quốc là 14,7 lần.

Sự kiện các DN lớn lên sàn niêm yết như Habeco, Sabeco, Novaland, Petrolimex, Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Công ty CP Đường Quảng Ngãi không chỉ tăng quy mô vốn hóa của TTCK mà còn tạo thêm nhiều cơ hội đầu tư, thu hút dòng vốn không chỉ ở trong nước và nước ngoài.

Sự kiện Brexit diễn ra hồi tháng 6 không chỉ gây ra tâm lý lo ngại trên thị trường tài chính toàn cầu mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam. Phiên biến động mạnh nhất với khối lượng giao dịch lớn nhất trong năm là trùng với thời điểm diễn ra bỏ phiếu Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu. Các sự kiện khác, như bầu cử tổng thống Hoa Kỳ, Fed tăng lãi suất cũng có ảnh hưởng tương tự, mặc dù mức độ và ảnh hưởng lâu dài có thể khác nhau.

TTCK năm 2016 cũng chứng kiến nhiều hiện tượng sai lệch về

Hiện tượng lừa đảo, trục lợi trên sàn giao dịch đã lên mức đỉnh điểm, dù đã được xử lý nghiêm minh nhưng cũng đã kịp gây thiệt hại quy mô lớn cho nhà đầu tư và các công ty chứng khoán.

Sự cạnh tranh trong ngành chứng khoán về phí, hoa hồng, chất lượng phục vụ tạo áp lực cân đối về chi phí- lợi nhuận. Tăng trưởng nhanh thường không đem lại lợi nhuận tương xứng, thậm chí phải đánh đổi mức rủi ro cao. Đây là thực tế đã phát sinh trong năm 2015-2016.

công bố thông tin, lợi dụng quy chế giao dịch, quy chế đăng ký và niêm yết để trục lợi bất chính. Các tiêu cực này có phạm vi tác động rộng, với số lượng lớn nhà đầu tư và hàng loạt công ty chứng khoán chịu thiệt hại tài chính. Có thể nói, năm 2016 là một năm đầy biến động, thách thức với hoạt động của ngành chứng khoán. Cơ hội nhiều, nhưng cân đối giữa khả năng khai thác thị trường, với lợi ích của nhà đầu tư và hiệu quả hoạt động, an toàn tài chính và kiểm soát rủi ro của các công ty chứng khoán là rất khó khăn.

Thực trạng của Công ty CP Chứng khoán Artex

Công ty CP Chứng khoán Artex có những thuận lợi cơ bản như nhân sự ổn định, tinh gọn; áp lực chi phí không lớn; có lượng khách hàng trung thành, gắn bó; hệ thống giao dịch mới đầu tư, có các tiện ích tiên tiến, có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch, nhu cầu quản lý của công ty và vận hành tin cậy.

Tuy nhiên cũng tồn tại nhiều vấn đề mà các công ty nhỏ thường gặp phải. Đó là nguồn tài chính hỗ trợ khách hàng hạn chế; do đó khả năng mở rộng phạm vi phục vụ và tăng thị phần môi giới. Thương hiệu nhân sự chưa có chỗ đứng vững trên thị trường, do đó công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn.

Về khách quan, sự cạnh tranh trong ngành chứng khoán về phí, hoa hồng, chất lượng phục vụ tạo áp lực cân đối về chi phí- lợi nhuận. Tăng trưởng nhanh thường không đem lại lợi nhuận tương xứng, thậm chí phải đánh đổi mức rủi ro cao. Đây là thực tế đã phát sinh trong năm 2015-2016.

Ba nhiệm vụ trọng tâm mà Ban TGD xác định và được HĐQT phê duyệt đối với năm 2015 là

- Nâng cao năng lực tài chính, thông qua tái cơ cấu lại các khoản đầu tư và ủy thác đầu tư
- Mở rộng hoạt động, đặc biệt là môi giới và dịch vụ chứng khoán
- Đầu tư vào con người, bao gồm công tác tuyển dụng và

gấp rút đào tạo về sản phẩm mới

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Kết quả kinh doanh

Năm 2016 Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đạt doanh thu là 25,7 tỷ đồng, Trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 22,4 tỷ đồng, doanh thu lưu ký chứng khoán đạt 544 triệu đồng. Chi phí quản lý, chi phí hoạt động hầu như không tăng so với năm trước. Kết quả, công ty đạt lợi nhuận hoạt động 5,4 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước ghi nhận lỗ 5,5 tỷ đồng. Xét tỷ suất lợi nhuận, thì đây không phải là mức cao so với các công ty trong ngành. Nhưng điều đáng ghi nhận là hoạt động của Công ty được duy trì ổn định và có tăng trưởng đáng kể so với năm trước. Chứng khoán Artex và khách hàng của Chứng khoán Artex cũng nằm trong số ít các công ty chứng khoán và nhà đầu tư không bị thiệt hại tài chính từ các đợt biến động lớn của thị trường và của hiện tượng thao túng, lừa đảo trên sàn giao dịch, nhờ duy trì hệ thống kiểm soát rủi ro và áp dụng các biện pháp phòng ngừa kịp thời

<i>Hoạt động môi giới</i>	Hoạt động môi giới ghi nhận tăng trưởng tích cực. Doanh thu môi giới tăng 96% so với năm 2015. Số tài khoản đang hoạt động tăng hơn 50% so với năm trước. Các tiện ích giao dịch ký quỹ, ứng trước, hoạt động lưu ký được đẩy mạnh, hỗ trợ tích cực cho
<i>Hoạt động tư doanh và đầu tư</i>	nhà đầu tư. Danh mục đầu tư cổ phiếu của công ty phần lớn là cổ phiếu niêm yết. Năm 2016, hoạt động đầu tư tư doanh tạm thời không có
<i>Nghiệp vụ chứng khoán</i>	phát sinh giao dịch mới. Công ty đã trích lập thêm 4,4 tỷ đồng cho danh mục này. Nhân sự và nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán, lưu ký tiếp tục được củng cố, đã thực hiện chuyển khoản, lưu ký chứng khoán cho nhiều khách hàng lớn, không phát sinh rủi ro, sai sót cho khách
<i>Tư vấn, phân tích đầu tư</i>	hàng. Các quy trình mở tài khoản, lưu ký, nghiệp vụ margin, ứng trước tiếp tục được hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý, nhu
<i>Quản trị rủi ro</i>	cầu quản trị của công ty, nhu cầu khách hàng. Nghiệp vụ tư vấn, phân tích đầu tư tập trung vào việc cung cấp

Công nghệ thông tin

các bản tin thị trường hàng ngày, bản tin trước giờ giao dịch, trong và sau khi kết thúc phiên giao dịch qua các cổng thông tin Website công ty, email và trang tin liên kết và các công cụ truyền thông mạng khác.

Nhân sự

Hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro đã kịp thời giám sát hoạt động nghiệp vụ; tiến hành sửa lỗi giao dịch và thực hiện Giám sát tỷ lệ an toàn tài chính, đảm bảo hoạt động công ty ổn định và lành mạnh về tài chính. Trong các giai đoạn thị trường biến động mạnh, hầu như không phát sinh thiệt hại tài chính cho khách hàng và cho bản thân Công ty.

Trong năm giao dịch được đảm bảo an toàn, thông suốt. Trang thiết bị được đầu tư kịp thời, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư; yêu cầu quản lý, đạt và vượt mức chuẩn quy định kết nối của các Sở GDCK và TTLK.

Công ty tiếp tục thực hiện tuyển dụng mới các nhân sự có năng lực, kinh nghiệm, thực hiện đào tạo nội bộ để từng bước củng cố nguồn nhân lực. Trong năm 2016, bình quân mỗi cán bộ tham gia 01 lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và sản phẩm mới. Các hoạt động đào tạo quản lý, teambuilding được tổ chức liên tục, gây dựng được môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, gắn bó.

Đánh giá chung

Kết quả nổi bật

- Duy trì được đội ngũ nhân sự ổn định, có sự phát triển mạnh về chất lượng chuyên môn, hoàn thiện về nghiệp vụ, quy trình công việc, khả năng xử lý tình huống tốt
- Có sự phát triển vượt bậc về doanh thu, lợi nhuận hoạt động
- Đảm bảo giao dịch an toàn, chất lượng dịch vụ tốt; rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính ở mức thấp; không phát sinh các thiệt hại trong các hoạt động cho vay ký quỹ, ứng trước và các giao dịch tiền, chứng khoán.

Tồn tại

- Năng lực tài chính đã được củng cố, nhưng chưa xứng tầm với nhu cầu mở rộng hoạt động
- Cơ sở vật chất cần đầu tư tăng cường

- Các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu vẫn ở mức độ thụ động, chưa hình thành chiến lược và kế hoạch bài bản, chi tiết

III. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017

Đánh giá tình hình

Năm 2017 được coi là thời kỳ TTCK có sự phát triển vượt bậc với hàng loạt sản phẩm mới dự kiến sẽ ra mắt công chúng đầu tư. Thị trường chứng khoán cũng có sự mở rộng đáng kể về quy mô niêm yết, thanh khoản và số lượng nhà đầu tư. Kỳ vọng thị trường sẽ có sự khởi sắc mạnh mẽ nhờ sự trở lại của dòng vốn ngoại và đà tăng tốc của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, các vấn đề nội tại của ngành chứng khoán vẫn tồn tại dai dẳng. Các quy định được phép tham gia cung cấp các sản phẩm mới như chứng khoán phái sinh, giao dịch T+0 được nhìn nhận là cơ hội lớn, nhưng gắn liền với yêu cầu về vốn chủ sở hữu, tỷ lệ an toàn tài chính. Chất lượng dịch vụ đòi hỏi yêu cầu đầu tư lâu dài mới phát huy hiệu quả. Những công ty nhỏ, tiềm lực tài chính mức độ trung bình, khả năng tham gia cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới ngày càng hạn chế. Tình trạng cạnh tranh cao trong ngành có thể dẫn đến việc nới lỏng các biện pháp quản trị rủi ro trong cung cấp dịch vụ, gây thiệt hại lớn cho cả công ty chứng khoán và nhà đầu tư

Sự biến động của thị trường và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ đòi hỏi các công ty chứng khoán tiếp tục cải tổ theo hướng bám sát nhu cầu thị trường, chú trọng hiệu quả và phát triển bền vững.

Kế hoạch kinh doanh 2017

Mục tiêu

Ban Điều hành định hướng hoạt động trong dài hạn là phát triển, mở rộng thị phần một cách vững chắc, dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ có chất lượng và thiết thực nhất cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh.

Mục tiêu hoạt động cụ thể của năm 2017

- Tiếp tục cơ cấu lại các khoản đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động dịch vụ chứng khoán (cho vay ứng trước, cho vay ký quỹ). Giải quyết hết các vụ việc tồn đọng những năm trước
- Đảm bảo an toàn tài chính, an toàn giao dịch. Đảm bảo không phát sinh nợ xấu; phát sinh tổn thất tài chính
- Phát triển quan hệ đối tác trong ngành; chuẩn bị sẵn sàng về con người, công nghệ và quy trình nghiệp vụ để tham gia cung cấp các sản phẩm, tin tức giao dịch mới

Các chỉ tiêu cơ bản năm 2017

STT	NỘI DUNG	KH 2017 (VND)
I	DOANH THU	16,000,000,000
1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12,000,000,000
2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	100,000,000
3	Doanh thu lưu ký, chuyên khoản chứng khoán	600,000,000
4	Doanh thu khác	3,300,000,000
II	CHI PHÍ	14,800,000,000
III	KẾT QUẢ (LÃI - LỖ)	1,200,000,000

Giải pháp thực hiện

- Cân đối nguồn vốn, ưu tiên tối đa nguồn vốn hỗ trợ hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán
- Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ
- Xây dựng cơ chế nhân sự, đãi ngộ phù hợp và tương đương với mức bình quân ngành cho khối phát triển thị trường.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM TÀI CHÍNH 2016

Tổng quan

Năm 2016, TTCK có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là các cú sốc từ bên ngoài và hiện tượng làm giá, thao túng giao dịch bằng các thông tin sai lệch, có tổ chức và có hệ thống. Điều này gây không ít khó khăn cho hoạt động của các công ty chứng khoán. Đối với riêng Công ty CP Chứng khoán Artex, khó khăn còn ở chỗ nguồn lực hạn chế, khả năng huy động vốn không nhiều, bên cạnh đó các vụ việc phức tạp phát sinh những năm trước vẫn còn tồn đọng, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị tập trung chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện những giải pháp lớn:

- Củng cố quy trình nghiệp vụ, nhân sự và tài chính, với ưu tiên cao nhất là chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng
- Rà soát hoạt động, sẵn sàng hỗ trợ Ban Điều hành giải quyết các vụ việc tồn đọng;
- Chỉ đạo và bám sát diễn biến hoạt động, đặc biệt là quản trị rủi ro và an toàn hoạt động khi thị trường có những diễn biến bất thường.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao

Về kế hoạch kinh doanh: Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch doanh thu 77,3%; trong đó chỉ tiêu môi giới vượt 96,3%. Kết quả thực hiện 5,4 tỷ đồng lợi nhuận hoạt động, trong khi năm 2015 là -5,9 tỷ đồng. Các chỉ tiêu số lượng tài khoản mở mới, thị phần môi giới, đều có sự tăng trưởng so với năm tài chính 2015. Các chỉ số về an toàn trong hoạt động luôn được đảm bảo, các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp. Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ.

Về công tác quản trị rủi ro: Trong năm 2015, không phát sinh các khoản công nợ tồn đọng lớn; không phát sinh các sự cố, thất thoát, thiệt hại liên quan đến khâu thanh toán bù trừ, giao dịch chứng khoán. Đã tiến hành rà soát thu hồi các khoản công nợ tồn đọng. Tích cực phối hợp với cơ quan pháp luật giải quyết các vụ việc liên quan đến

công nợ phải thu, phải trả khác

Nâng cao chất lượng dịch vụ: Chất lượng dịch vụ được giữ vững và có sự tiên bộ đáng kể, đặc biệt là dịch vụ môi giới, lưu ký, phân tích đầu tư .

Công tác nhân sự: Công ty đã thực hiện tái bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong Ban điều hành; tăng cường tuyển dụng, đào tạo tại chỗ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2016, HĐQT Công ty đã tổ chức các phiên họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo quy định của Ủy ban chứng khoán, định kỳ 06 tháng, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo tình hình quản trị gửi UBCK và các Sở, đồng thời đăng công khai tại website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời để các cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động.

Công tác chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động của Ban Điều hành

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT.
- Ban Điều hành và cán bộ chủ chốt đã thực hiện đúng và đầy đủ trong phạm vi quyền hạn của mình. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.
- Công ty cũng tuân thủ quy chế quản trị Công ty theo quy định của UBCKNN, tham khảo các mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến trong ngành và trên thế giới để xây dựng, phát triển quy chế quản trị nội bộ công ty, bảo đảm tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện được tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

Năm 2017, dự báo thị trường chứng khoán sẽ có thêm bước phát triển vượt bậc về quy mô, chất lượng hàng hóa. Tuy nhiên những quy định ngày càng chặt chẽ hơn cũng buộc các đơn vị thành viên phải liên tục nâng cao năng lực quản trị, tài chính và hoàn thiện, bổ sung quy trình nghiệp vụ để có thể tồn tại và phát triển.

Hội đồng Quản trị xác định các chỉ tiêu cụ thể là doanh số 16 tỷ đồng, (trong đó riêng doanh số môi giới 12 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế 1,2 tỷ đồng mà Ban Điều hành xây dựng là các chỉ tiêu hợp lý, trong bối cảnh thị trường có thể phát sinh nhiều tình huống bất lợi và trong hoàn cảnh Công ty đang trong giai đoạn ưu tiên hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, củng cố năng lực tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng yêu cầu Ban Điều hành vẫn cần khai thác tối đa cơ hội thị trường và đẩy mạnh hoạt động, cụ thể là khai thác và phát triển khách hàng mới, tăng doanh thu môi giới.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT xác định định hướng hoạt động chủ yếu là:

- Nâng cao chất lượng cạnh tranh thông qua liên tục phát triển và cải tiến quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch tài chính và tiện ích giao dịch cho khách hàng.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, dưới nhiều hình thức và công cụ khác nhau, định hướng vào nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khách hàng mới.

HĐQT rất mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết của các Quý cổ đông.

Trách nhiệm xã hội

XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Tổng quan

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX xác định việc gắn liền hoạt động kinh doanh với các hoạt động xã hội là trách nhiệm, đạo đức và cũng là nền tảng văn hóa của Công ty.

Chúng tôi tin rằng, để góp phần phát triển ngành nghề chứng khoán trước hết phải thúc đẩy môi trường làm việc tích cực và cổ vũ cho lối sống tích cực của đội ngũ nhân viên trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong bước đường sự nghiệp của họ sau này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX xác định chiến lược phát triển dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường công tác đào tạo, phát triển và nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời chú trọng đầu tư chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần để tạo động lực và cơ hội cho nhân viên phát huy hết khả năng, phát triển bản thân và cống hiến cho Công ty.

Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex cũng tích cực hỗ trợ và nâng cao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng các nhà đầu tư, thông qua các bài viết trên website và các hoạt động giao lưu, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng nhà đầu tư với các doanh nghiệp, đơn vị thành viên thị trường và cơ quan quản lý.

Chứng khoán Artex cũng sẵn sàng chia sẻ, đóng góp không chỉ những ý kiến và phản biện với tư cách là một thành viên thị trường, mà còn là trung gian tiếp nhận và phản hồi tiếng nói của nhà đầu tư với các cơ quan chức năng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển. Chúng tôi thường xuyên chủ động đóng góp kiến thức với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sàn giao dịch và VSD, trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.

Trách nhiệm với cộng đồng

Chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong xã hội đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty trong các năm qua.

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Tại ngày 31/12/2016

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

V.S.T
+ M.S.T

S.T
C.H.K

MỤC LỤC		Trang
STT	NỘI DUNG	
1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3.	BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	5 - 11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014

Ông Lê Tiến Đông

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO CHỈ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT - BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016.



Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 1374 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017 được trình bày từ trang 05 đến trang 11 đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex
Số:
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm: 31/12/2016

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về “chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB



TRẦN THỊ THU HÀ

NGUYỄN THỊ THANH THANH

LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2016

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn			
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ	0		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	0		
6	Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	42.949.325.010		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		13.235.837.156	0
1A	Tổng		165.792.199.339	
B	Tài sản ngắn hạn			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		0	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		141.000.000	
2	Trả trước cho người bán		35.373.287.500	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2016

	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		29.028.437.195
5	Các khoản phải thu khác		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		
IV	Hàng tồn kho		0
V	Tài sản ngắn hạn khác		
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		285.104.064
2	Thuế GTGT được khấu trừ		
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
4	Tài sản ngắn hạn khác		
4	Tạm ứng		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		157.980.185
4	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		10.000.000
1B	Tổng -		64.995.808.944
C	Tài sản dài hạn		
I	Các khoản phải thu dài hạn		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0
3	Phải thu dài hạn nội bộ		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0
4	Phải thu dài hạn khác		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2016

2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		1.506.460.053	
III	Bất động sản đầu tư		0	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		0	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		0	
4	Đầu tư dài hạn khác		0	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		4.081.508.278	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		0	
1C	Tổng		5.587.968.331	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C		95.208.422.064	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	Các danh mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
- I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		68.466.996.048	0
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	0%	68.466.996.048	0
2	Các khoản tương đương tiền	0%	0	0
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	0	0
II	Trái phiếu chính phủ		0	0
1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ thuộc các nước OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc NHTW của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	5%	0	0
2	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh được niêm yết	8%	0	0
III	Trái phiếu doanh nghiệp		0	0
1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	0	0
2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại 31/12/2016

3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	0	0
4	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	0	0
5	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	0	0
6	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	0	0
IV	Cổ phiếu		26.931.465.557	3.049.082.834
1	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HSX; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	22.357.100.000	2.235.710.000
2	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HNX	15%	4.210.885.557	631.632.834
3	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCoM	20%	0	0
4	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	0	0
5	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	363.480.000	181.740.000
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		0	0
1	Quỹ đại chúng	10%	0	0
2	Quỹ thành viên	30%	0	0
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		0	0
1	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	0	0
2	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	0	0
VII	Chứng khoán khác		0	0
1	Các loại chứng khoán khác	80%	0	0
2	Chứng khoán bảo lãnh phát hành	80%	0	0
VIII	Rủi ro tăng thêm		0	0
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG		95.398.461.605	3.049.082.834

T. C
T. AN
P. V

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

B RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro				Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán					
1	Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo					0
2	Cho vay chứng khoán					0
3	Vay chứng khoán					0
4	Hợp đồng mua bán lại (Repo)					0
5	Hợp đồng bán mua lại (Reverse Repo)					0
6	Giao dịch ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)					0
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán		0			10.227.772.503
	Thời gian quá hạn					
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				Hệ số rủi ro 16%	Giá trị rủi ro
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				32%	Quy mô rủi ro
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán				48%	Giá trị rủi ro
4	Trên 60 ngày				100%	0
III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)					
					10%	0
					20%	0
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN					818.221.800

C RỦI RO HOẠT ĐỘNG		
I	Tổng chi phí hoạt động	22.822.268.432
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	5.719.721.140
1	Chi phí khấu hao	1.309.274.947
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4.415.842.953
3	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	0
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(5.396.760)
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	17.102.547.292
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = III * 25%)	4.275.636.823
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{III,IV})	27.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	30.867.304.634

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	3.049.082.834	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	818.221.800	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	30.867.304.634	
5	Vốn khả dụng	95.208.422.064	
6	Tỷ lệ an toàn/Vốn khả dụng (6=5/4)	308,44%	

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ THU HÀ

NGUYỄN THỊ THANH THANH

LUU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 – 03
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 – 05
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	- Báo cáo kết quả hoạt động	06 – 07
	- Báo cáo tình hình tài chính	08 – 10
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	14 – 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: 135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Liên quan đến vụ tranh chấp với bà Hoàng Kiều Trang, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015 yêu cầu Công ty hoàn trả cho bà Trang số tiền 7.230.000.000 VND (trong đó có 1.230.000.000 VND là tiền bồi thường). Trong tháng 3 năm 2016, Chi cục Thi hành án Nam Từ Liêm ra các quyết định phong toà và khấu trừ 3.709.917.513 VND trên tài khoản ngân hàng của Công ty và chuyển cho bà Trang vào ngày 18/06/2016. Ngày 18/07/2016, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đã ra Quyết định số 12/KNGĐT-VC1-KDTM về việc: Kháng nghị toàn bộ đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015; Yêu cầu Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử lại; Tạm đình chỉ thi hành án đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 52/2015/KDTM-PT ngày 08/06/2015.

Liên quan đến thông báo thụ lý vụ án tranh chấp giữa bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch nào khác có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho kỳ kế toán này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex



LƯU ĐỨC QUANG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THANG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 137/3 /2016/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 05 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



LUU ANH TUAN

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

Số: 1129-2014-045-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.373.192.127	146.399.295.654
I. Tài sản tài chính	110		150.920.107.878	145.922.311.770
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	68.466.996.048	87.783.057.054
1.1. Tiền	111.1		68.466.996.048	87.783.057.054
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	40.167.302.713	20.475.302.713
4. Các khoản cho vay	114	7.3.2	19.990.751.484	6.655.769.451
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3.3	(14.189.837.156)	(9.773.994.203)
7. Các khoản phải thu	117		1.066.999.966	386.666.667
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	1.066.999.966	386.666.667
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		1.066.999.966	386.666.667
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	35.373.287.500	40.373.287.500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29.067.363.785	29.050.582.610
12. Các khoản phải thu khác	122	7.4.4	5.680.733	5.473.933
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.5	(29.028.437.195)	(29.033.833.955)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		453.084.249	476.983.884
1. Tạm ứng	131		157.980.185	277.057.486
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6	285.104.064	172.379.750
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		10.000.000	10.000.000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		0	17.546.648
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.587.968.331	5.871.846.379
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.506.460.053	2.597.388.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.8	310.293.328	498.496.000
- Nguyên giá	222		9.843.534.988	9.843.534.988
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(9.533.241.660)	(9.345.038.988)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.9	1.196.166.725	2.098.892.000
- Nguyên giá	228		7.401.472.948	7.183.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(6.205.306.223)	(5.084.233.948)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	250		4.081.508.278	3.274.458.379
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6	49.711.867	37.543.336
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.7	4.031.796.411	3.236.915.043
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.961.160.458	152.271.142.033

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.151.398.314	21.649.212.842
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		18.885.398.314	21.649.212.842
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.10	5.959.938.349	12.723.414.529
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.11	627.616.341	1.288.745.216
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		198.700.000	198.700.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.12	5.513.164.903	26.076.579
11. Phải trả người lao động	323		648.513.218	496.409.343
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		102.927.814	0
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	1.828.697.937	291.005.342
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.14	3.602.779.219	6.221.801.300
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		403.060.533	403.060.533
II. Nợ phải trả dài hạn	340		2.266.000.000	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.15	2.266.000.000	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.809.762.144	130.621.929.191
I. Vốn chủ sở hữu	410		135.809.762.144	130.621.929.191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		539.355.743	539.355.743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		539.355.742	539.355.742
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.16	(268.949.341)	(5.456.782.294)
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(268.949.341)	(5.456.782.294)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		0	0
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		156.961.160.458	152.271.142.033

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		13.500.000	13.500.000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.17	23.442.800.000	21.642.730.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.18	303.480.000	303.480.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.19	163.073.423	7.867.807
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>162.796.703</i>	<i>7.847.007</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>0</i>	<i>5.000</i>
<i>e. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>276.720</i>	<i>15.800</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.20	106.793	25.000.714
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>4.493</i>	<i>714</i>
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>102.300</i>	<i>25.000.000</i>
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.21	82.861.668.854	8.599.839.797
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		74.030.662.781	5.204.346.690
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		8.831.006.073	3.395.493.107
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>8.831.006.073</i>	<i>3.395.493.107</i>
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.22	88.821.607.203	16.647.490.327
<i>8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>031.1</i>		<i>88.821.607.203</i>	<i>16.647.490.327</i>

Người lập

NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		245.156.500	178.650
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>7.23.1</i>	<i>40.840.000</i>	<i>0</i>
<i>c. Cost, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>7.23.3</i>	<i>204.316.500</i>	<i>178.650</i>
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		687.182.803	0
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		22.389.473.004	11.402.915.882
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		544.612.498	712.895.109
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		1.857.865.141	2.392.896.672
Cộng doanh thu hoạt động	20		25.724.289.946	14.508.886.313
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		4.679.197.953	9.942.782.257
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>	<i>7.23.1</i>	<i>263.355.000</i>	<i>3.617.001.497</i>
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.2</i>	<i>7.23.2</i>	<i>4.415.842.953</i>	<i>6.325.780.760</i>
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	7.24	6.089.002.110	3.268.842.878
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	7.24	244.509.597	0
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.25	2.332.978.445	27.952.118
Cộng chi phí hoạt động	40		14.063.151.833	13.239.577.253
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		342.816.422	472.349.623
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		2.213.969.530	786.666.667
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.26	2.556.785.952	1.259.016.290
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		0	0
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		0	0
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.27	8.759.116.599	8.432.207.080
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		5.458.807.466	(5.903.881.730)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	7.28	0	30.674.709.091
8.2. Chi phí khác	72	7.29	125.000.000	21.426.110
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(125.000.000)	30.653.282.981
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		5.333.807.466	24.749.401.251
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.333.807.466	24.749.401.251
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		145.974.513	0
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.30	145.974.513	0
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		5.187.832.953	24.749.401.251

XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện	400		0	0
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		384	1.833
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/ 1 cổ phiếu)	501		384	1.833
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/ 1 cổ phiếu)	502		384	1.833

Người lập

NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(128.109.732.551)	(86.096.500.750)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	102.648.756.539	77.317.495.718
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(579.601.170)	(702.494.903)
4. Cổ tức đã nhận	04	204.316.500	0
5. Tiền lãi đã thu	05	1.379.999.867	617.847.521
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(4.008.580.219)	(46.788.175.998)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(3.042.471.389)	(3.144.828.007)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(132.000.000)	(10.161.846.285)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	56.579.411.128	167.025.089.646
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(44.103.320.911)	(147.497.466.528)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(19.163.222.206)</i>	<i>(49.430.879.586)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(152.838.800)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	0	118.117.161.112
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(152.838.800)</i>	<i>118.117.161.112</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50	(19.316.061.006)	68.686.281.526
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	87.783.057.054	19.096.775.528
Tiền	61	87.783.057.054	19.096.775.528
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	68.466.996.048	87.783.057.054
Tiền	71	68.466.996.048	87.783.057.054

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	8.821.305.184.266	5.910.862.078.867
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(8.746.974.905.209)	(5.930.040.462.295)
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(68.450.000)	(11.632.300.000)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	74.261.829.057	(30.810.683.428)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	30	8.599.839.797	39.410.523.225
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	5.204.346.690	6.234.377.069
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	3.395.493.107	33.176.146.156
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	40	82.861.668.854	8.599.839.797
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	74.030.662.781	5.204.346.690
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	43	8.831.006.073	3.395.493.107

Người lập



NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2017



LƯU ĐỨC QUANG

H. T. Q. E.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm		Đơn vị tính: VND
		Năm 2015		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2015		
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm 2015	Năm 2016	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
I. Biến động vốn chủ sở hữu										
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000	
1.1. Vốn pháp định			135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000	
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743	
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742	
8. Lợi nhuận chưa phân phối			(30.206.183.544)	24.749.401.250	0	5.187.832.953	0	(5.456.782.294)	(268.949.341)	
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện			(30.206.183.544)	24.749.401.250	0	5.187.832.953	0	(5.456.782.294)	(268.949.341)	
Cộng			105.872.527.941	24.749.401.250	0	5.187.832.953	0	130.621.929.191	135.809.762.144	
II. Thu nhập toàn diện khác										
Cộng			0	0	0	0	0	0	0	

Người lập

Nguyễn Thủy Dung

NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thu Hà

TRẦN THỊ THU HÀ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

1.2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK: Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 11 tháng 4 năm 2015.

1.4. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính.

1.5. Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: 135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

1.6. Hạn chế đầu tư và cho vay: thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.7. Danh sách đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1. Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND (Ký hiệu là VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

3.1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền của Công ty bao gồm: Tiền mặt; Tiền gửi ngân hàng; Tiền đang chuyển; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán. Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.1.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2.2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

4.2.3. Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

4.2.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính:

a, Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán lập dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Giá trị lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong kỳ được ghi nhận tăng chi phí của Công ty là số chênh lệch dương giữa giá trị dự phòng kỳ này và giá trị dự phòng đã trích lập tính cho từng tài sản tài chính cụ thể. Trường hợp chênh lệch là số âm (tức có hoàn nhập dự phòng) thì được ghi nhận giảm chi phí tương ứng trong kỳ của Công ty.

b, Cuối niên độ kế toán, nếu có bằng chứng khách quan nào cho thấy sự suy giảm giá trị của của một hoặc một nhóm tài sản cho vay thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

4.3.1. Nguyên tắc phân loại các khoản phải thu:

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.3.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Phải thu bán các tài sản tài chính bao gồm: phải thu về bán, thu hồi khi đáo hạn khoặc thanh lý các tài sản tài chính; giá trị khớp lệnh bán các tài sản tài chính; thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư...

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi phát sinh trong kỳ kế toán đối với các tổ chức có liên quan đến các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK và tình hình thực thu các khoản phải thu và dự thu đó cho mục đích xác định kết quả kinh doanh gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức được chia và lãi khác phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp bao gồm: các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các đối tượng khác về phí môi giới, phí tư vấn, phí lưu ký, phí bảo lãnh và các loại phí của các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp.

4.3.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được các đối tượng nợ thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Căn cứ để xác định một khoản phải thu khó đòi: Nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng kinh tế, giấy nhận nợ hoặc các cam kết tương đương; Công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được; Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích hoặc bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ khó đòi được xác định như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Giá trị lập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ được ghi nhận tăng chi phí của Công ty là số chênh lệch dương giữa giá trị dự phòng kỳ này và giá trị dự phòng đã trích lập tính cho từng đối tượng cụ thể. Trường hợp chênh lệch là số âm (tức có hoàn nhập dự phòng) thì được ghi nhận giảm chi phí tương ứng trong kỳ của Công ty.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Phần mềm tin học	20 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn và dài hạn

4.6.1. Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

4.6.2. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

4.6.3. Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

4.6.4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

4.6.5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

4.6.6. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

4.6.7. Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

b) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

c) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

d) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa có khả năng hoàn trả với số tiền là 2.266.000.000 VND.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

4.7.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.7.2. Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu: được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

4.7.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước, bao gồm: Lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

4.8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

4.8.1. Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.8.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

4.8.2.1. Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyên nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

4.8.2.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

4.8.3. Doanh thu hoạt động tài chính gồm các loại sau:

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý CTCK.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tỵ doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tỵ doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

4.10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.10.2. Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai củ mộ công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công vụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5. Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng như cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Chưa áp dụng do Chế độ kế toán chưa cho phép áp dụng.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH
A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	144.720.009	82.058.690
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	68.310.679.479	87.685.562.077
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	11.596.560	15.436.287
Cộng	68.466.996.048	87.783.057.054

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Cửa công ty chứng khoán	384.180	31.005.655.000
- Cổ phiếu	384.180	31.005.655.000
b. Cửa nhà đầu tư	395.458.530	14.854.607.926.300
- Cổ phiếu	395.458.530	14.854.607.926.300
Tổng cộng	395.842.710	14.885.613.581.300

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu niêm yết	39.570.293.113	26.567.985.557	19.878.293.113	10.339.024.807
- Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.600	363.480.000	597.009.600	363.480.000
Cộng	40.167.302.713	26.931.465.557	20.475.302.713	10.702.504.807

7.3.2. Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Cho vay hoạt động Margin	10.227.772.503	10.227.772.503	863.977.451	863.977.451
- Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	9.762.978.981	9.762.978.981	5.791.792.000	5.791.792.000
Cộng	19.990.751.484	19.990.751.484	6.655.769.451	6.655.769.451

7.3.3. Về tình hình lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính:

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
			Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
I	TSTC FVTPL						
1	Cổ phiếu NY	2.344.280	39.570.293.113	26.567.985.557	13.956.307.556	9.540.464.603	4.415.842.953
	FLC	180.000	1.611.295.233	936.000.000	675.295.233	189.295.233	486.000.000
	HAI	230.000	2.500.000.000	775.100.000	1.724.900.000	1.304.000.000	420.900.000
	KLF	1.753.861	15.762.290.000	4.209.266.400	11.553.023.600	8.045.301.600	3.507.722.000
	ROS	180.000	19.692.000.000	20.646.000.000	0	0	0
	Các cp khác	419	4.707.880	1.619.157	3.088.723	1.867.770	1.220.953
2	Cổ phiếu CNY	30.348	597.009.600	363.480.000	233.529.600	233.529.600	0
	TECHCOMBANK	25.348	487.009.600	253.480.000	233.529.600	233.529.600	0
	ITASCO	5.000	110.000.000	110.000.000	0	0	0
3	Trái phiếu	0	0	0	0	0	0
	Cộng	2.374.628	40.167.302.713	26.931.465.557	14.189.837.156	9.773.994.203	4.415.842.953
II	TSTC HTM	0	0	0	0	0	0
II	TSTC cho vay	0	0	0	0	0	0
IV	TSTC AFS	0	0	0	0	0	0
	Cộng	2.374.628	40.167.302.713	26.931.465.557	14.189.837.156	9.773.994.203	4.415.842.953

A.7.4. Các khoản phải thu

7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

- Phải thu lãi của Hợp đồng hợp tác đầu tư đã tắt toán

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

7.4.2. Trả trước cho người bán

- Công ty CP Địa Ốc Star Hà Nội

- Các đối tượng khác

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản trả trước khó đòi

7.4.3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán

- Phải thu hoạt động tư vấn

- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

- Phải thu dịch vụ khác

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

7.4.4. Phải thu khác

- Các đối tượng khác

Cộng

Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	1.066.999.966	386.666.667
	1.066.999.966	386.666.667
	0	0
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	35.000.000.000	40.000.000.000
	373.287.500	373.287.500
	35.373.287.500	40.373.287.500
	0	0
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	28.505.280	16.748.655
	141.000.000	141.000.000
	10.421.310	0
	28.887.437.195	28.892.833.955
	29.067.363.785	29.050.582.610
	29.028.437.195	29.033.833.955
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	5.680.733	5.473.933
	5.680.733	5.473.933
	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

A.7.5. Dự phòng phải thu khó đòi

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Năm 2016			
				Số đầu kỳ	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.033.833.955		29.033.833.955	0	5.396.760	29.028.437.195
	Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855		1.985.767.855			1.985.767.855
	Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395		1.802.130.395			1.802.130.395
	Đinh Thị Kim Thủy	1.128.657.078		1.128.657.078			1.128.657.078
	Mai Đức Nam	2.392.082.423		2.392.082.423			2.392.082.423
	Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924		3.245.015.924			3.245.015.924
	Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468		1.744.423.468			1.744.423.468
	Nguyễn Trà My	2.444.898.378		2.444.898.378			2.444.898.378
	Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425		3.167.341.425			3.167.341.425
	Võ Hưng Hiếu	2.791.041.936		2.791.041.936			2.791.041.936
	KH khác	8.332.475.073		8.332.475.073		5.396.760	8.327.078.313
	Cộng	29.033.833.955		29.033.833.955	0	5.396.760	29.028.437.195

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
A.7.6. Chi phí trả trước		
<i>a, Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	285.104.064	172.379.750
- Phí dịch vụ Internet	6.714.998	0
- Phần mềm máy tính	17.860.000	9.625.000
- Chi phí công cụ dụng cụ	3.493.336	11.495.000
- Chi phí liên quan hoạt động chứng khoán	1.333.330	1.997.000
- Chi phí sửa chữa máy chủ	200.000.000	0
- Chi phí khác	55.702.400	149.262.750
<i>b, Chi phí trả trước dài hạn</i>	49.711.867	37.543.336
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.965.558	36.019.000
- Chi phí khác	19.746.309	1.524.336
Cộng	334.815.931	209.923.086

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
A.7.7. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	3.696.516.213	2.178.567.368
- Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	215.280.198	938.347.675
Cộng	4.031.796.411	3.236.915.043

A.7.8. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>				
Số dư đầu năm	8.457.655.276	1.098.957.300	286.922.412	9.843.534.988
Số dư cuối năm	8.457.655.276	1.098.957.300	286.922.412	9.843.534.988
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	7.959.159.276	1.098.957.300	286.922.412	9.345.038.988
- Khấu hao trong kỳ	188.202.672	0	0	188.202.672
Số dư cuối năm	8.147.361.948	1.098.957.300	286.922.412	9.533.241.660
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>				
Tại ngày đầu năm	498.496.000	0	0	498.496.000
Tại ngày cuối năm	310.293.328	0	0	310.293.328

A.7.9. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>			
Số dư đầu năm	5.818.343.400	1.364.782.548	7.183.125.948
- Mua trong năm	218.347.000	0	218.347.000
Số dư cuối năm	6.036.690.400	1.364.782.548	7.401.472.948
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	3.719.451.400	1.364.782.548	5.084.233.948
- Khấu hao trong năm	1.121.072.275	0	1.121.072.275
Số dư cuối năm	4.840.523.675	1.364.782.548	6.205.306.223
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>			

Tại ngày đầu năm	2.098.892.000	0	2.098.892.000
Tại ngày cuối năm	1.196.166.725	0	1.196.166.725

A.7.10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	0	4.675.764.000
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	5.959.938.349	8.047.650.529
Cộng	5.959.938.349	12.723.414.529

A.7.11. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV FLC Land	176.542.741	934.373.641
- Công ty luật TNHH SMIC	268.159.100	268.159.100
- Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	90.000.000	0
- Công ty CP LD ĐT Quốc tế FLC	44.392.500	0
- Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	43.522.000	73.528.000
- Các đối tượng khác	5.000.000	12.684.475
Cộng	627.616.341	1.288.745.216

A.7.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.427.865	0
- Thuế thu nhập cá nhân	5.384.737.038	26.076.579
Cộng	5.513.164.903	26.076.579

A.7.13. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí hoạt động (phí giao dịch tháng 12/2017)	1.551.243.513	0
- Trích trước - Chi phí tư vấn pháp luật	172.425.000	172.425.000
+ Trích trước - Chi phí tư vấn khác	172.425.000	172.425.000
- Trích trước - Chi phí quản lý CTCK	105.029.424	118.580.342
+ Trích trước - Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.893.424	54.000.000
+ Trích trước - Phí dịch vụ quản lý khác	136.000	64.580.342
Cộng	1.828.697.937	291.005.342

A.7.14. Phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả hộ UTTB của VietinBank	0	5.791.792.000
- Hoàng Kiều Trang	3.520.082.487	0
- Các khoản khác	82.696.732	430.009.300
Cộng	3.602.779.219	6.221.801.300

A.7.15. Dự phòng phải trả dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi phải trả TK 083C003060 – Đường Thị Quy (*)	2.266.000.000	
Cộng	2.266.000.000	0

(*) Theo thông báo thụ lý thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm do bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 và Công ty tạm tính lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản tương ứng với lãi suất cơ bản của NHNN 9%/năm là 2.266.000.000 VND.

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
A.7.16. Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(268.949.341)	(5.456.782.294)
Cộng	(268.949.341)	(5.456.782.294)
A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	23.442.800.000	21.642.730.000
Cộng	23.442.800.000	21.642.730.000
A.7.18. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK		
- Cổ phiếu	303.480.000	303.480.000
Cộng	303.480.000	303.480.000
A.7.19. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	162.796.703	7.847.007
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	0	5.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	276.720	15.800
Cộng	163.073.423	7.867.807
A.7.20. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4.493	714
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	102.300	25.000.000
Cộng	106.793	25.000.714
A.7.21. Tiền gửi của Nhà đầu tư		
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.030.662.781	5.204.346.690
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	74.030.662.781	5.204.346.690
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	8.831.006.073	3.395.493.107
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	8.831.006.073	3.395.493.107
Cộng	82.861.668.854	8.599.839.797
A.7.22. Phải trả Nhà đầu tư		
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	88.821.607.203	16.647.490.327
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	88.821.607.203	16.647.490.327
Cộng	88.821.607.203	16.647.490.327

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B.7.23. Thu nhập

Đơn vị tính: VND

7.23.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7	
1	Cổ phiếu niêm yết + VFG + Khác	204.180	55.410	11.313.655.000	11.536.170.000	(222.515.000)	(222.515.000)	(222.515.000)	(3.617.001.497)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Trái phiếu niêm yết	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	204.180	55.410	11.313.655.000	11.536.170.000	(222.515.000)	(222.515.000)	(222.515.000)	(3.617.001.497)

7.23.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hợp	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=C-D	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	20.475.302.713	6.285.465.557	14.189.837.156	9.773.994.203	4.415.842.953
1	Cổ phiếu niêm yết	19.878.293.113	5.921.985.557	13.956.307.556	9.540.464.603	4.415.842.953
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	597.009.600	363.480.000	233.529.600	233.529.600	0
II	Loại HTM	0	0	0	0	0
III	Loại các khoản cho vay và phải thu	0	0	0	0	0
IV	Loại AFS	0	0	0	0	0
	Cộng	20.475.302.713	6.285.465.557	14.189.837.156	9.773.994.203	4.415.842.953

30

**7.23.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính
FVTPL, HTM, AFS**

- Từ tài sản tài chính FVTPL

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	204.316.500	178.650
Cộng	204.316.500	178.650

B.7.24. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6.089.002.110	3.268.842.878
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	244.509.597	0
Cộng	6.333.511.707	3.268.842.878

B.7.25. Chi phí khác ngoài chi phí các tài sản tài chính

Các loại chi phí hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
- Hoàn nhập dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(5.396.760)	0
- Chi phí kiện tụng	2.266.000.000	0
- Chi phí khác	72.375.205	27.952.118
Cộng	2.332.978.445	27.952.118

B.7.26. Doanh thu hoạt động tài chính

Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
4. Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	342.816.422	472.349.623
5. Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.213.969.530	786.666.667
Cộng	2.556.785.952	1.259.016.290

B.7.27. Chi phí quản lý CTCK

Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	3.828.203.127	3.415.828.970
- Chi phí công cụ, dụng cụ	219.524.713	0
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.309.274.947	1.121.236.000
- Chi phí thuê, phí và lệ phí	109.060.564	224.057.940
- Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	0	9.125.824
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.063.053.248	3.606.860.658
- Chi phí khác	1.230.000.000	55.097.688
Cộng	8.759.116.599	8.432.207.080

B.7.28. Thu nhập khác

Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Nhượng bán, thanh lý tài sản	0	8.209.091
- Xử lý công nợ lâu ngày	0	30.666.500.000
Cộng	0	30.674.709.091

B.7.29. Chi phí khác

Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt vi phạm hành chính	125.000.000	21.426.110
Cộng	125.000.000	21.426.110

B.7.30. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	145.974.513	0
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	145.974.513	0

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên các báo cáo: Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2016 và Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 210 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính. Chi tiết *Tham chiếu Phụ Lục 1*

8.2. Thông tin về các bên liên quan: Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan

8.3. Thông tin về hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

8.4 Chỉ tiêu đánh giá hoạt động CTCK

Chỉ số vốn khả dụng của tỷ lệ vốn hoạt động ròng (NCR) (Net operating Capital Ratio)

Chỉ số vốn khả dụng của NCR là tỷ lệ đánh giá tình hình tài chính của CTCK.

$$\text{Tỷ lệ vốn hoạt động ròng (\%)} = \frac{95.208.422.064}{30.867.304.634} \times 100 = 308,44\%$$

Người lập



NGUYỄN THỦY DUNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 1

I. Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tình hình tài chính

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015		Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016			
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Tiền	111	96.382.896.851	Tiền	111	87.783.057.054
Đầu tư ngắn hạn	121	20.475.302.713	Tiền gửi của khách hàng	026	8.599.839.797
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(9.773.994.203)	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	20.475.302.713
Phải thu khách hàng	131	141.000.000	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	(9.773.994.203)
Trả trước cho người bán	132	40.373.287.500	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	141.000.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	29.773.560.061	Trả trước cho người bán	118	40.373.287.500
Các khoản phải thu khác	138	392.140.600	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	29.050.582.610
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(29.033.833.955)	Các khoản phải thu khác	122	5.473.933
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	172.379.750	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3	386.666.667
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	17.546.648	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	(29.033.833.955)
Tài sản ngắn hạn khác	158	287.057.486	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	172.379.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	37.543.336	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	17.546.648
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	3.236.915.043	Tạm ứng	131	277.057.486
Phải trả người bán	312	1.288.745.216	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	10.000.000
Người mua trả tiền trước	313	198.700.000	Chi phí trả trước dài hạn	252	37.543.336
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	26.076.579	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	3.236.915.043
Phải trả người lao động	315	496.409.343	Phải trả người bán ngắn hạn	320	1.288.745.216
Chi phí phải trả	316	291.005.342	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	198.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	430.009.300	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	26.076.579
			Phải trả người lao động	323	496.409.343
			Chi phí phải trả ngắn hạn	325	291.005.342
			Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	6.221.801.300
			Các khoản cho vay	114	(6.655.769.451)

33



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc ngày 31/12/2016

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	21.323.254.326	318	12.723.414.529
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	403.060.533	031	8.599.839.797
Quỹ dự phòng tài chính	418	539.355.743	331	403.060.533
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	539.355.742	415	539.355.743
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.456.782.294)	416	539.355.742
			417	(5.456.782.294)

II. Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo kết quả hoạt động

Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015		Số liệu trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2016			
Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	11.402.915.882	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	11.402.915.882
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	178.650	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL	01.3	178.650
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	712.895.109	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	712.895.109
Doanh thu khác	01.9	3.651.912.961	Thu nhập hoạt động khác	11	2.392.896.672
			Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không có định	42	472.349.623
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	13.239.577.253	Doanh thu khác về đầu tư	44	786.666.667
			Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	3.617.001.497
			Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2	6.325.780.760
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.432.207.080	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	3.268.842.878
Thu nhập khác	31	30.674.709.091	Chi phí các dịch vụ khác	32	27.952.118
Chi phí khác	32	21.426.110	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	8.432.207.080
			Thu nhập khác	71	30.674.709.091
			Chi phí khác	72	21.426.110

